

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST

Ngày 20-9-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Ánh.
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị N, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1950 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/10; con ông: Đỗ Văn U và bà Bùi Thị N, đều đã chết; có chồng là Trịnh Văn Đ, đã chết và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Trịnh Văn T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1971 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Công ty chế tạo dầm thép và xây dựng T, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: Trịnh Văn Đ, đã chết và bà Đỗ Thị N; có vợ là: Chị Phạm Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1967;

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;

*** Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:** Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(theo Văn bản ủy quyền ghi ngày 20 tháng 7 năm 2022)

(Ông L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà L vắng mặt);

*** Người có quyền lợi liên quan:** Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông D vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Bá L, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội;

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: khu cơ khí x, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội;

3. Anh Trịnh Xuân T, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tập thể nhà máy Bê Tông T, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

4. Ông Tạ Văn V, sinh năm 1961;

5. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1985;

6. Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1963;

7. Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1966.

8. Anh Trịnh Xuân K, sinh năm 1983;

9. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1960;

Đều cư trú tại địa chỉ: thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1993 gia đình Đỗ Thị N được Ủy ban nhân dân xã S và chính quyền thôn V, xã S giao cho thửa ruộng ở Đ thuộc địa phận thôn V, xã S để canh tác, vị trí thửa ruộng nằm ven khu dân cư, gần nhà ông Trịnh Văn L (Nhà nước giao

cho hộ gia đình xã viên để sản xuất nông nghiệp, chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Theo bản đồ hiện trạng đất số hiệu 241, đo năm 1996, tờ số 15 lưu tại Ủy ban nhân dân xã S thì thửa ruộng đó có số thửa 348, diện tích 280m² mang tên “Trịnh Thị N”.

Năm 2003 gia đình Đỗ Thị N không có nhu cầu canh tác nên đã cho gia đình ông Tạ Văn V - Trưởng thôn V (là em rể chồng Đỗ Thị N) mượn để canh tác. Việc cho mượn được thỏa thuận miệng, không có văn bản và không hẹn thời hạn trả lại ruộng. Sau khi được Đỗ Thị N cho mượn ruộng, ông V đã thỏa thuận miệng với gia đình ông Trịnh Văn L để chuyển đổi ruộng nhằm mục đích thuận lợi cho việc canh tác với nội dung: Gia đình ông L sử dụng thửa ruộng ông V mượn của gia đình Đỗ Thị N để canh tác. Còn gia đình ông V sử dụng thửa ruộng của gia đình ông L ở cánh đồng “Cát Ngàn C” thôn V để canh tác. Việc ông V và ông L đổi ruộng không thông qua gia đình Đỗ Thị N.

Năm 2007, sau khi biết ông V tự ý chuyển đổi thửa ruộng của gia đình cho gia đình ông L canh tác, Đỗ Thị N đòi lại ruộng thì gia đình ông V nói mượn thêm thời gian nữa để canh tác. N đồng ý và ông V có cắt cho Đỗ Thị N một mảnh ruộng thuộc cánh đồng thôn A, xã S để canh tác được một, hai vụ thì N không canh tác nữa. Năm 2011, N tiếp tục đòi ruộng ông L nhưng do chưa thống nhất được số tiền bồi thường cho quá trình cải tạo đất nên ông L chưa trả đất cho N.

Năm 2015, thực hiện đo đạc lại ruộng đất bằng công nghệ Vlap để lập bản đồ 2015, thửa ruộng đó có số thửa 447, tờ bản đồ số 12, diện tích 311,2m² mang tên người sử dụng là ông Trịnh Văn L. Năm 2021, Đỗ Thị N làm đơn đề nghị chính quyền thôn và UBND xã S giải quyết nhưng chưa giải quyết được.

Ngày 01 tháng 5 năm 2022, Đỗ Thị N cùng con trai là Trịnh Văn T dự liên hoan khánh thành nhà thờ họ T. Do bức xúc về việc đòi lại ruộng không được nên Đỗ Thị N có nói với T: *“hôm nay phải lấy lại ruộng”*. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Đỗ Thị N lấy một con dao phay (tổng chiều dài 65m; chiều rộng 6cm) để ở bờ tường nhà thờ họ T rồi đi ra thửa ruộng ông L đang canh tác, dùng dao chặt đứt một số đoạn dây thép gai giăng hàng rào xung quanh mảnh ruộng, tiếp đó N đã đi vào ruộng dùng dao chặt đứt 07 gốc mít có đường kính gốc lần lượt là 11cm, 07cm, 5,67cm; 6,67cm; 6,3cm; 11,3cm; 1,5cm; 03 gốc thanh long, 02 cây hoè giống mới trồng, 01 cây bưởi mới trồng, dùng tay nhổ 04 hốc bí ngô, chặt đứt gốc 03 cây ổi có đường kính lần lượt là 16,67cm; 17,3cm; 11,67cm. Khi mọi người đang ăn cơm ở trong nhà thờ họ T nghe thấy tiếng ầm ầm phát ra từ phía ruộng nhà ông L đang canh tác, Trịnh Văn T cùng một số người chạy ra thì nhìn thấy Đỗ Thị N đang chặt cây ổi thứ 4. Thấy T đi ra, Ngắm nói *“T ơi mày không ra hộ mẹ à, tay tao đau thế này, mày dẫn hộ tao gốc ổi, tay tao đau*

*không dẫn được” và để dao ở dưới gốc cây ổi. T đi đến cầm dao lên chặt nốt gốc ổi thứ 4 rồi tiếp tục chặt tiếp 03 cây mít có đường kính lần lượt là 15,3cm; 8,67cm; 06cm thì bị ông Trịnh Văn L đến túm cổ áo chửi; còn Đỗ Thị N tiếp tục dùng tay nhổ 39 cây hoè mới trồng, 05 cây mít nhỏ mới trồng; 04 cây bưởi mới trồng và 05 luống dưa lê có tổng diện tích là 168m². Hậu quả: Hàng rào dây thép gai bị phá hủy hoàn toàn; cây ổi, hoa màu trên thửa ruộng do ông Lập đang canh tác bị huỷ hoại, tổng thiệt hại tài sản trị giá **10.703.000**đồng.*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản TTHS huyện Vũ Thư, kết luận:

+ 10 cây mít có đường kính gốc lần lượt là 15,3cm; 8,67cm; 06cm; 11cm; 07cm; 5,67cm; 6,67cm; 6,3cm; 11,3cm và 11,3cm đã bị chặt đứt hoàn toàn phần gốc. *Có giá trị lần lượt là: 1.000.000đ; 700.000đ; 350.000đ; 700.000đ; 350.000đ; 350.000đ; 350.000đ; 350.000đ; 700.000đ; 700.000đ. Tổng cộng 5.550.000đ.*

+ 04 cây ổi có đường kính gốc lần lượt là 16,67cm; 17,3cm; 11,67cm; 11cm, đã bị chặt đứt hoàn toàn phần gốc. *Có giá trị lần lượt là: 800.000đ; 800.000đ; 600.000đ; 600.000đ. Tổng cộng 2.800.000đ.*

+ Diện tích trồng dưa lê có kích thước (16x10,5)m=168m², dưa lê bắt đầu ra hoa chưa đến thời kỳ thu hoạch đã bị phá hủy hoàn toàn *giá trị là 168m² x 7.000đ/m² = 1.176.000đ.*

+ 04 hộc bí ngô trồng trên diện tích mỗi hộc có kích thước (1x1)m =1m², tổng 04m² chưa ra quả đã bị phá hủy hoàn toàn *giá trị là 4m² x 7.000đ/m² = 28.000đ.*

+ 03 gốc thanh long trồng từ năm 2017, cây thanh long đã leo bám trên cột bê tông, đã bị chặt đứt hoàn toàn gốc *giá trị là 3 x 220.000đ/gốc = 660.000đ.*

+ 41 cây hoè mới trồng loại hoè giống đã bị phá hủy hoàn toàn có *giá trị 41cây x 5.000đ/cây = 205.000đ.*

+ 05 cây mít mới trồng loại mít giống đã bị phá hủy hoàn toàn có *giá trị 5 cây x 20.000đ/cây = 100.000đ.*

+ 05 cây bưởi mới trồng loại bưởi giống đã bị phá hủy hoàn toàn có *giá trị 5 cây x 15.000đ/cây = 75.000đ.*

- Hàng rào dây thép gai dựng vào năm 2012 đã được sửa chữa theo từng năm có trọng lượng 05 kg đã bị phá hủy hoàn toàn có *giá trị 109.000đ.* Tổng giá trị thiệt hại tất cả các tài sản là **10.703.000**đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ sự việc và hành vi Hủy hoại tài sản của mình như nêu trên.

Cáo trạng số 68/CT-VKSVT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Đỗ Thị N và Trịnh Văn T về tội “*Hủy hoại tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20 tháng 9 năm 2022).

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20 tháng 9 năm 2022).

Giao bị cáo Đỗ Thị N cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: do bị cáo N lao động tự do, không có thu nhập và đã trên 70 tuổi; bị cáo T làm nghề lái xe tự do, thu nhập không ổn định.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại với số tiền 10.703.000 đồng. Buộc bị cáo Đỗ Thị N, Trịnh Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại là ông Trịnh Văn L số tiền 10.703.000 đồng(mười triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng). Các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai số 0000348 ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình; Bị hại có quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư để làm thủ tục nhận lại số tiền trên.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho ông Trịnh Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, trên lưỡi dao có dập chìm dòng chữ D-XF, đã qua sử dụng

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương, sửa chữa những sai lầm của các bị cáo đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản TTHS huyện V; Biên bản quản lý chiếc USB lưu giữ hình ảnh liên quan đến hành vi hủy hoại tài sản; Kết luận giám định số 66/KI-KTHS ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình về hình ảnh video kèm phụ lục; Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập ngày 01 tháng 5 năm 2022; Biên bản làm việc ngày 01 tháng 5 năm 2022 và ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc xác định tài sản bị thiệt hại; Biên bản quản lý đồ vật; Biên bản ghi lời khai người làm chứng: Ông Lê Bá L, chị Phạm Thị T, anh Trịnh Xuân T, ông Tạ Văn V, chị Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị A, ông Trịnh Văn K, anh Trịnh Xuân K, bà Vũ Thị N.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 01 tháng 5 năm 2022, tại thửa ruộng gia đình ông Trịnh Văn L đang canh tác thuộc thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; Đỗ Thị N đã có hành vi phá hỏng hàng rào dây thép gai; chặt, nhổ làm thiệt hại toàn bộ cây ăn quả và hoa màu của gia đình ông Trịnh Văn L. Tổng giá trị tài sản bị cáo

Đỗ Thị N đã hủy hoại của gia đình bị hại là 10.703.000 đồng. Trong quá trình bị cáo N thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, Trịnh Văn T (là con trai N) đã có hành vi giúp sức cho Trịnh Thị N, trực tiếp chặt 01 cây ôi và chặt 03 cây mít của gia đình ông L, hậu quả gây thiệt hại trị giá tài sản là 2.850.000 đồng.

Hành vi của Đỗ Thị N và Trịnh Văn T đã phạm vào tội: “*Hủy hoại tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi hủy hoại tài sản mà Đỗ Thị N và Trịnh Xuân T đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của gia đình ông L được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, chỉ vì mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất nông nghiệp chưa giải quyết được nên đã nhất thời nóng giận, mất bình tĩnh và có hành vi dùng dao chặt, nhổ cây; phá hỏng hàng rào dây thép gai gây thiệt hại toàn bộ cây ăn quả, hoa màu và hàng rào dây thép gai của gia đình ông Trịnh Văn L. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã hủy hoại là 10.703.000 đồng.

[4] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên cần đánh giá, phân tích rõ vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Bị cáo Đỗ Thị N là người khởi xướng, lấy công cụ và thực hiện hành vi hủy hoại tài sản từ đầu, gây thiệt hại phần lớn giá trị tài sản của gia đình ông L nên xếp bị cáo N có vai trò đầu trong vụ án.

Bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo N để thực hiện hành vi chặt 01 cây ổi và trực tiếp thực hiện hành vi chặt 03 cây mít của gia đình ông Trịnh Văn L gây thiệt hại toàn bộ 04 cây ăn quả, trị giá tài sản bị hủy hoại là 2.850.000 đồng, giá trị tài sản mà T hủy hoại ít hơn N nên T có vai trò sau bị cáo N.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền 10.703.000 đồng tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V để thực hiện trách nhiệm bồi thường đối với bị hại và khắc phục hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Các bị phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do vậy, bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đỗ Thị N khi phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên nên được áp dụng thêm tình tiết tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị hại là ông Trịnh Văn L có đơn đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có đóng góp nhất định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

[6] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt các bị cáo với mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp. Các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Xuân T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự và có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo N và T được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao quy định điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T có đủ điều kiện này nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo N lao động tự do, không có thu nhập và đã trên 70 tuổi; bị cáo T làm nghề lái xe tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình truy tố, các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T đã bồi thường cho bị hại là ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị L số tiền 10.703.000 đồng. Chuyển số tiền 10.703.000 (*Mười triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*) các bị cáo đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000348 ngày 23 tháng 8 năm 2022 để thực hiện trách nhiệm bồi thường của các bị cáo đối với bị hại. Tại biên bản làm việc ngày 08 tháng 9 năm 2022, đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Trịnh Văn L và các bị cáo đã thống nhất thỏa thuận: Ông L đồng ý nhận số tiền trên tại cơ quan Thi hành án và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, trên lưỡi dao có dập chìm dòng chữ D-XF, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Văn D dùng để sinh hoạt hàng ngày, ông D không cho bị cáo N mượn và cũng không biết việc bị cáo N lấy dao đi, dùng để chặt cây, phá hàng rào dây thép gai nên cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tuyên trả lại cho ông Trịnh Văn D.

[9] Về án phí:

Bị cáo Đỗ Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Trịnh Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, ông Trịnh Văn L, bà Nguyễn Thị L, ông Trịnh Văn D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*” .

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20 tháng 9 năm 2022).

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20 tháng 9 năm 2022).

Giao bị cáo Đỗ Thị N cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Đỗ Thị N, Trịnh Văn T đã bồi thường cho bị hại là ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị L số tiền 10.703.000 đồng. Chuyển số tiền 10.703.000 (*Mười triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*) các bị cáo đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000348 ngày 23 tháng 8 năm 2022 để thực hiện trách nhiệm bồi thường của các bị cáo đối với bị hại.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Trả lại cho ông Trịnh Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình: 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, trên lưỡi dao có dập chìm dòng chữ D-XF, loại dao đã qua sử dụng.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên bản giao, nhận vật chứng và phiếu nhập kho vật chứng đề ngày 09 tháng 9 năm 2022).

5. Về án phí:

5.1 Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí cho bị cáo Đỗ Thị N do bị cáo là người cao tuổi

5.2 Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo Đỗ Thị N và Trịnh Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20 tháng 9 năm 2022).

Ông Trịnh Văn L, bà Nguyễn Thị L, ông Trịnh Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- Các vị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLLQ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**